

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀNG MAI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: 159/2024/HS - ST
Ngày: 03/07/2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NH DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Anh Thư

Bà Trần Thị Kim Dung

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tứ

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H tham gia phiên tòa:

Bà Đỗ Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 07 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận H - thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 168/2023/HSST ngày 21 tháng 06 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 162/2024/QĐXXST - HS ngày 21 tháng 06 năm 2024 đối với bị cáo: **Đỗ Văn H**, Sinh năm: 1993; Giới tính: Nam; HKTT: Thôn K, xã X, huyện T, tỉnh T; Chỗ ở: số 227B (thửa đất số 155, tờ bản đồ số 54), tổ 12 phố M, phường K, quận H, thành phố H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo, Đảng phái: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Đỗ Văn T, Sinh năm: 1962; Con bà: Đỗ Thị T, sinh năm: 1968; Bị cáo là con thứ 2 trong gia đình có 2 chị em; Vợ: Đỗ Thị Giang N, sinh năm: 1994; Có một con sinh năm 2019; Danh chỉ bản số 59 lập ngày 27/01/2024 tại Công an quận H - thành phố H: Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Có mặt tại phiên tòa)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Xuân N - Sinh năm: 1972.

Trú tại: Thôn M, xã H, huyện U, H.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 03/8/2023, Công an quận H tiếp nhận phiếu chuyển đơn kèm theo tài liệu có liên quan của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G để xác minh, giải quyết theo thẩm quyền đối với Đỗ Văn H về hành vi làm giả các Báo cáo kiểm toán độc lập các năm 2017, 2018, 2019 của Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A (Công ty A) xảy ra tại số 10A, Ngõ 1295/2, đường G, phường H, quận H, thành phố H.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 (một) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2017 của Công ty cổ phần công trình 2 gồm 28 trang kích thước A4; 01 (một) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2018 của Công ty cổ phần công trình 2 gồm 28 trang kích thước A4; 01 (một) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2019 của Công ty cổ phần công trình 2 gồm 27 trang kích thước A4 (được lưu trong hồ sơ vụ án); Số tiền 24.000.000 đồng.

Kết luận giám định số 03/KL-KTHS ngày 26/12/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh G kết luận: Các chữ ký đứng tên "Lữ Thị H", "Vũ Hoài Đ", "Phan Thanh T" dưới mục "CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A" trên các mẫu cần giám định so với chữ ký của "Lữ Thị H", "Vũ Hoài Đ", "Phan Thanh T" trên các mẫu so sánh không phải do cùng một người ký ra.

Kết luận giám định số 8316/KL-KTHS ngày 30/11/2023 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận:

- Hình dấu tròn có nội dung "CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A" trên các mẫu cần giám định so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên các mẫu so sánh do cùng một con dấu đóng ra.

- Hình dấu tròn có nội dung "CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH 2" trên các mẫu cần giám định so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên các mẫu so sánh do cùng một con dấu đóng ra.

- Chữ ký đứng tên Bùi Tuấn N dưới mục "Tổng Giám đốc" tại trang 4, 8, 9, 10, 24 (Báo cáo tài chính năm 2017, Báo cáo tài chính năm 2018); dưới mục "Giám đốc" tại trang 3, 7, 8, 9, 23 (Báo cáo tài chính năm 2019) trên các mẫu

cần giám định so với chữ ký đứng tên Bùi Tuấn N trên các mẫu so sánh do cùng một người ký ra.

- Chữ ký dưới mục "Người lập biểu" tại trang 8, 9, 10, 24 (Báo cáo tài chính năm 2017); dưới mục "Kế toán trưởng" tại trang 8, 9, 10, 24 (Báo cáo tài chính năm 2017, Báo cáo tài chính năm 2018); trang 7, 8, 9, 23 (Báo cáo tài chính năm 2019) trên các mẫu cần giám định so với chữ ký đứng tên Nguyễn Xuân N trên các mẫu so sánh do cùng một người ký ra.

Tại cơ quan điều tra, Đỗ Văn H khai nhận: Đỗ Văn H làm việc tại Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A (Công ty A) có trụ sở tại số 10A, ngõ 1295/2 đường G, phường H, quận H, H, có chức năng kiểm toán độc lập về tài chính cho doanh nghiệp, H là trợ lý cho kiểm toán viên, không có chứng chỉ hành nghề kiểm toán theo quy định pháp luật. không được ký với tư cách là kiểm toán viên. Quá trình làm việc tại Công ty, có các doanh nghiệp là khách hàng quen trong đó có ông Nguyễn Xuân N (sinh năm: 1972; HKTT: Thôn M, xã H, huyện Ú, thành phố H) là Kế toán trưởng Công ty Cổ phần công trình 2 (Công ty 2), biết H là nH viên của công ty, ông N đã đề nghị H làm giúp thực hiện kiểm toán tài chính cho Công ty Cổ phần công trình 2 với giá 8.000.000 đồng/báo cáo kiểm toán độc lập. Đầu các năm 2018, 2019, 2020 ông N đã chủ động liên lạc và cung cấp cho H thông tin số liệu báo cáo tài chính các năm 2017, 2018, 2019 của Công ty Cổ phần công trình 2. Sau khi tiếp nhận tài liệu, H không báo cáo về Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A để thực hiện kiểm toán tài chính theo đúng quy trình của công ty, H đã tự lập và soạn thảo các báo cáo kiểm toán theo như số liệu báo cáo tài chính mà ông N đã cung cấp rồi ghép vào mẫu báo cáo chung của Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A phát hành ra cho các đơn vị khác, là các Báo cáo kiểm toán độc lập số 06401/2018/BCKT/A ngày 06/4/2018, Báo cáo kiểm toán độc lập số 68/2019/BCKT/A ngày 30/3/2019 và Báo cáo kiểm toán độc lập số 078/2019/BCKT/A ngày 18/3/2020. H bắt chước chữ ký bà Lữ Thị Hoa (Phó giám đốc Công ty), bà Phan Thanh T (kiểm toán viên), ông Vũ Hoài Đ (kiểm toán viên) rồi tự ký vào phần chữ ký tại mục “Phó Giám đốc Lữ Thị H”, “Kiểm toán viên Phan Thanh T”, “Kiểm toán viên Vũ Hoài Đ” của Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A . Sau đó, H dùng dấu tròn của Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A đóng dấu xác nhận vào các Báo cáo kiểm toán độc lập nêu trên, đóng giáp lai lên các trang tài liệu của báo cáo kiểm toán độc lập. Sau khi hoàn thành, H giao lại cho ông N và nhận số tiền 24.000.000 đồng. H đã tự nguyện giao nộp lại số tiền 24.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra xác định: bà Lữ Thị H – Phó Giám đốc, bà Phan Thanh T - Kiểm toán viên, ông Vũ Hoài Đ – Kiểm toán viên của Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A (Công ty A), không thực hiện việc kiểm toán độc lập về tài chính cho Công ty Cổ phần công trình 2, đồng thời xác định chữ ký trên các Báo cáo kiểm toán độc lập nêu trên không phải do họ ký ra. Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A không ký kết bất kỳ hợp đồng nào với Công ty Cổ phần công trình 2 để thực hiện việc kiểm toán độc lập.

Tại cơ quan điều tra, ông Nguyễn Xuân N khai phù hợp với lời khai của Đỗ Văn H. Đầu năm 2021, Công ty Cổ phần công trình 2 đã sử dụng các báo cáo kiểm toán 2017, 2018, 2019 để tham gia dự thầu và đã trúng thầu các gói thầu GL: CW-01. Ông N nhận thức được việc Công ty 2 sử dụng 03 (ba) báo cáo kiểm toán tài chính độc lập các năm 2017, 2018, 2019 với số liệu đã được điều chỉnh, sửa đổi để tham gia đấu thầu gói thầu GL: CW-01 là vi phạm quy định pháp luật trong hoạt động đấu thầu; việc thuê đơn vị kiểm toán là Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A nhưng chỉ thông qua H, không làm việc trực tiếp với Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A, không ký hợp đồng với Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A để thực hiện kiểm toán theo đúng quy định, nên Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A không xuất hóa đơn, không đảm bảo theo quy định pháp luật. Việc ông N xây dựng báo cáo kiểm toán tài chính độc lập với số liệu báo cáo đã được điều chỉnh, sửa đổi để phục vụ cho hoạt động đấu thầu của Công ty Cổ phần công trình 2 giai đoạn về sau là theo chỉ đạo của ông Bùi Tuấn N (Sinh năm: 1970; địa chỉ: Tổ dân phố 16 phường T, quận N, H) là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần công trình 2. Báo cáo tài chính có chữ ký của ông N, ông N. Quá trình thực hiện, ông N không biết H có hành vi làm giả chữ ký trong 03 báo cáo kiểm toán độc lập cho Công ty 2.

Tại cơ quan điều tra, ông Bùi Tuấn N khai: Ông N đã giao cho Phòng Tài chính kế toán của Công ty Cổ phần công trình 2 nhiệm vụ xây dựng bộ kiểm toán để phục vụ hoạt động đấu thầu của Công ty. Việc triển khai liên hệ thực hiện các báo cáo kiểm toán tài chính độc lập như thế nào đều do Phòng Tài chính kế toán do ông Nguyễn Xuân N chủ động thực hiện. Công ty Cổ phần công trình 2 có sử dụng 03 báo cáo kiểm toán độc lập năm 2017, 2018, 2019 của Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A để tham gia dự thầu và đã trúng thầu các gói thầu GL: CW-01. Ông xác nhận các số liệu báo cáo tài chính để thực hiện 03 báo cáo kiểm toán độc lập các năm 2017, 2018, 2019 do Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A thực hiện cho Công ty Cổ phần công trình 2 với số liệu báo cáo

tài chính Công ty Cổ phần công trình 2 kê khai báo cáo thuế là không giống nhau. Tuy nhiên ông N khẳng định không chỉ đạo cấp dưới làm trái các quy định pháp luật.

Đối với việc Công ty Cổ phần công trình 2 sử dụng 03 báo cáo kiểm toán độc lập giả trong hồ sơ liên danh Công ty T– Công ty Cổ phần công trình 2 để tham gia đấu thầu và trúng gói thầu GL-CW-01 xảy ra tại tỉnh G: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H có công văn đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G trả lời về việc xử lý đối với hành vi vi phạm quy định về đấu thầu, hành vi sử dụng tài liệu giả. Ngày 28/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G có công văn số 3600/PC03-Đ4 trả lời: *Đối với hành vi vi phạm quy định về đấu thầu của liên danh công ty TNHH xây dựng và thương mại T, Công ty Cổ phần công trình 2, kết luận không có căn cứ để xử lý và đối với hành vi sử dụng tài liệu giả của Công ty Cổ phần công trình 2 để tham gia đấu thầu và trúng thầu thì chưa có căn cứ xử lý công ty 2 sử dụng tài liệu giả để thực hiện hành vi trái pháp luật nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G không tiến hành điều tra, xác minh đối với hành vi sử dụng tài liệu giả của Công ty Cổ phần công trình 2.* Nhận thấy, việc Công ty Cổ phần công trình 2 sử dụng 03 báo cáo kiểm toán độc lập giả để tham gia đấu thầu và trúng gói thầu GL-CW-01 xảy ra tại tỉnh G, thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G vì vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H không có căn cứ kết luận đối với hành vi có dấu hiệu sử dụng tài liệu giả của Công ty Cổ phần công trình 2.

Quá trình điều tra, Đỗ Văn H đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác hiện có trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số 121/CT-VKS-HM ngày 02/05/2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận H đã truy tố các bị cáo Đỗ Văn H về tội “ Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan tổ chức ” theo quy định tại điểm b, đ Khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Áp dụng điểm b, đ Khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt Đỗ Văn H từ 26 tháng đến 30 tháng tù về tội “ Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan tổ chức ” nhưng cho hưởng án treo thời hạn thử thách 52 đến 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Đỗ Văn H.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 24.000.000 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo Đỗ Văn H khai: Bị cáo làm trợ lý cho kiểm toán viên Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A, không có chứng chỉ hành nghề kiểm toán theo quy định pháp luật. không được ký với tư cách là kiểm toán viên. Quá trình làm việc tại Công ty có ông Nguyễn Xuân N là Kế toán trưởng Công ty Cổ phần công trình 2(Công ty 2), ông N đã đề nghị bị cáo làm giúp thực hiện kiểm toán tài chính cho Công ty Cổ phần công trình 2 với giá 8.000.000 đồng/báo cáo kiểm toán độc lập. Đầu các năm 2018, 2019, 2020 ông N đã chủ động liên lạc và cung cấp cho bị cáo thông tin số liệu báo cáo tài chính các năm 2017, 2018, 2019 của Công ty Cổ phần công trình 2. Sau khi tiếp nhận tài liệu, bị cáo không báo cáo về Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A để thực hiện kiểm toán tài chính theo đúng quy trình của công ty, bị cáo đã tự lập và soạn thảo các báo cáo kiểm toán theo như số liệu báo cáo tài chính mà ông N đã cung cấp rồi ghép vào mẫu báo cáo chung của Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A phát hành ra cho các đơn vị khác, là các Báo cáo kiểm toán độc lập số 06401/2018/BCKT/A ngày 06/4/2018, Báo cáo kiểm toán độc lập số 68/2019/BCKT/A ngày 30/3/2019 và Báo cáo kiểm toán độc lập số 078/2019/BCKT/A ngày 18/3/2020. Bị cáo bắt chước chữ ký bà Lữ Thị H (Phó giám đốc Công ty), bà Phan Thanh T (kiểm toán viên), ông Vũ Hoài Đ (kiểm toán viên) rồi tự ký vào phần chữ ký tại mục “Phó Giám đốc Lữ Thị H”, “Kiểm toán viên Phan Thanh T”, “Kiểm toán viên Vũ Hoài Đ” của Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A . Sau đó, bị cáo dùng dấu tròn của Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A đóng dấu xác nhận vào các Báo cáo kiểm toán độc lập nêu trên, đóng giáp lai lên các trang tài liệu của báo cáo kiểm toán độc lập. Sau khi hoàn thành, bị cáo giao lại cho ông N và nhận số tiền 24.000.000 đồng. Việc bị cáo tự làm 03 báo cáo kiểm toán và không bàn bạc với ông N trong quá trình làm giả tài liệu. Bị cáo đã tự nguyện giao nộp lại số tiền 24.000.000 đồng, bị cáo hối lỗi với hành vi phạm tội của mình và không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng: Bị cáo hối lỗi về hành vi phạm tội của mình đề nghị Hội đồng xem xét giảm nhẹ nhất mức hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét về hành vi bị truy tố: Đầu các năm 2018; 2019; 2020 tại trụ sở của Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A có trụ sở tại số 10A, ngõ 1295/2 đường Giải Phóng, phường Hoàng Liệt, quận H, H, Đỗ Văn H đã có hành vi làm giả tài liệu là 03 báo các kiểm toán độc lập của Công ty Cổ phần công trình 2, hưởng lợi số tiền 24.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Đỗ Văn H đủ yếu tố cấu thành tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại b, đ Khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Điều 341 Bộ luật hình sự quy định về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”:

“1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

đ) Thu lợi bất chính từ 10.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng;”

Bị cáo Đỗ Văn H là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, do đó cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận H truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật đã viện dẫn là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến trật tự hành chính, sự hoạt động bình thường của các cơ quan tổ chức, xâm phạm đến lợi ích của nhà nước, của cơ quan tổ chức là khách thể được Luật Hình sự bảo vệ. Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình phạm

tội. Vì vậy cần phải áp dụng một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên khi xem xét nhân thân của bị cáo Đỗ Văn H Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối lỗi về hành vi phạm tội của mình, bị cáo nộp số tiền thu lời bất chính: 24.000.000 đồng. Bị cáo có ông ngoại là ông Đỗ Đình M được Hội đồng nhà nước nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng ba vì đã có công lao trong công cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước nên cần cho bị cáo Đỗ Văn H được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Sau khi xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo Đỗ Văn H, thấy bị cáo Đỗ Văn H có nhiều tình tiết giảm nhẹ và có chỗ ăn ở ổn định nên xét thấy không cần phải cách ly bị cáo Đỗ Văn H ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú cũng đủ tác dụng giáo dục và cải tạo đối với bị cáo Đỗ Văn H.

Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Đỗ Văn H là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

4. Về xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền 24.000.000 đồng bị cáo nhận của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân N trả cho 03 báo cáo kiểm toán độc lập của Công ty Cổ phần công trình 2. Đây là số tiền bị cáo H có được từ hành vi phạm tội nên cần Tịch thu sung công quỹ nhà nước.

[5] Các vấn đề khác: Đối với hành vi của ông Nguyễn Xuân N cung cấp các báo cáo tài chính báo cáo tài chính các năm 2017, 2018, 2019 của Công ty Cổ phần công trình 2 với số liệu đã được điều chỉnh, sửa đổi cho bị cáo Đỗ Văn H, dựa trên số liệu do ông Nguyễn Xuân N cung cấp bị cáo Đỗ Văn H đã làm giả 03 báo cáo kiểm toán độc lập của Công ty Cổ phần công trình 2. Toà án nhân dân quận H đã có quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung số 10/2024/HSST – QĐ ngày 10/06/2024 để điều tra làm rõ Nguyễn Xuân N có đồng phạm với hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức với bị cáo Đỗ Văn H hay không? Ngày 19/6/2024 VKSND quận H đã hoàn trả hồ sơ cho Toà án nhân dân quận H với lý do “ N không bàn bạc, không giúp sức và không biết bị cáo H làm giả 03 báo cáo tài chính nên không đồng phạm với Đỗ Văn H; Hành vi của Nguyễn Xuân N có dấu hiệu của tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức” nhưng hành vi này liên quan đến việc Nguyễn Xuân N cùng ban lãnh đạo Công ty Cổ phần công trình 2 sử dụng 03 báo cáo kiểm toán độc lập giả để tham gia đấu thầu để tham gia đấu thầu và trúng gói thầu GL-CW-01 xảy ra tại tỉnh G, thuộc thẩm

quyền giải quyết của Cơ quan Cảnh sát điều tra tỉnh G, không thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan Cảnh sát điều tra quận H, thành phố H. Do giới hạn của việc xét xử nên Tòa án nhân dân quận H chỉ truy tố bị cáo Đỗ Văn H còn đối với hành vi của Nguyễn Xuân N cùng ban lãnh đạo Công ty Cổ phần công trình 2 có hành vi Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan Cảnh sát điều tra tỉnh G, Cơ quan Cảnh sát điều tra quận H, thành phố H không xem xét giải quyết là đúng và có căn cứ pháp luật.

[6] Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b, đ Khoản 2 điều 341; điểm s khoản 1 và khoản 2 điều 51, điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Các điều 106, 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử phạt: Bị cáo Đỗ Văn H: 28 (Hai mươi tám) tháng tù về tội “Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan tổ chức” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 56 (năm mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Giao bị cáo cho UBND phường K, quận H, thành phố H quản lý giáo dục trong thời hạn thử thách của bản án. Gia đình bị cáo Đỗ Văn H có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát giáo dục, bị cáo được thực hiện theo điều 69 Luật thi hành án Hình sự

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 24.000.000 đồng .

(Toàn bộ số tiền trên hiện đang tạm giữ tại tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự quận H tại Kho bạc Nhà nước quận H theo Ủy nhiệm chi vào tài khoản

ngày 23/10/2023. Nội dung ghi: Chuyển khoản tiền tang vật làm giả con dấu của Đỗ Văn H).

3. Về án phí: Bị cáo Đỗ Văn H phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Đỗ Văn H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Xuân N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND quận H;
- Những người tham gia tố tụng;
- Công an quận H;
- Lưu hồ sơ.
- Lưu văn phòng

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Nhung

Nơi nhận:

- VKSND quận H;
- Những người tham gia tố tụng;
- Công an quận H;
- Lưu hồ sơ.
- Lưu văn phòng

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Nhung

